

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC
THỦ DẦU MỘT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 09 tháng 8 năm 2016

Số: 151/CV-CPNTDM

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế
6 tháng đầu 2016 cao hơn 10%
so với sáu tháng đầu 2015

Kính gửi: + Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.
+ Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một gửi lời chào trân trọng và cảm ơn vì sự quan tâm, giúp đỡ trong suốt thời gian qua của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một sáu tháng đầu năm 2016 cao hơn 10% so với sáu tháng đầu 2015, theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty xin giải trình về việc lợi nhuận sau thuế sáu tháng đầu năm 2016 cao hơn sáu tháng đầu năm 2015 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế sáu tháng đầu năm 2015 đạt: 11.791.658.739 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế sáu tháng đầu năm 2016 đạt: 29.080.339.733 đồng.

Lợi nhuận sáu tháng đầu năm 2016 cao hơn so với sáu tháng đầu năm 2015, nguyên nhân chủ yếu sau:

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một thực hiện hoàn nhập chi phí dịch vụ môi trường rừng theo biên bản kiểm tra quyết toán thuế của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Doanh thu sản xuất nước sạch tăng do nhu cầu sử dụng tăng.

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin này.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VP.



Trần Thế Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 30/6/2016**

Tháng 8 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 25



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT

Số 07, đường Ngô Văn Trí, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Thiên	Chủ tịch (Từ nhiệm ngày 29/6/2016)
Ông Nguyễn Văn Trí	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 29/6/2016)
Ông Dương Hoàng Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 29/6/2016)
Ông Võ Văn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên
Ông Lý Thế Anh Tuấn	Thành viên
Ông Trần Chiến Công	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 29/6/2016)

Tổng Giám đốc

Ông Trần Thế Hưng	Tổng Giám đốc
-------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.



Trần Thế Hưng

Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2016

Số: 083/VACO/BCKT.HCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 06 tháng 8 năm 2016, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ, tại ngày 30/6/2016, khoản đầu tư 200.000 cổ phiếu phổ thông (tương đương 25% vốn điều lệ) của Công ty vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước – Môi trường vẫn đang đứng tên bà Dương Anh Thư. Hiện tại, Công ty đang thực hiện thủ tục để chuyển số cổ đông cho khoản đầu tư trên sang tên Công ty.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiến

Giám đốc Chi nhánh

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Tp. HCM, ngày 06 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Thuyết minh	
			30/6/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		359.811.427.303	254.164.189.923
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	207.214.945.692	48.388.873.403
1. Tiền	111		22.214.945.692	48.388.873.403
2. Các khoản tương đương tiền	112		185.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	60.000.000.000	102.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		60.000.000.000	102.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.085.323.605	42.457.454.676
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	-	2.097.764.046
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	30.987.096.100	25.945.025.237
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	1.000.000.000	5.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	13.098.227.505	9.414.665.393
IV. Hàng tồn kho	140		33.905.085.914	52.901.288.783
1. Hàng tồn kho	141	11	33.905.085.914	52.901.288.783
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.606.072.092	8.416.573.061
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	139.566.098	58.357.701
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.466.505.994	8.358.215.360
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		638.432.217.739	606.779.118.404
I. Tài sản cố định	220		465.374.356.452	479.022.295.170
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	455.745.689.222	469.127.785.760
- Nguyên giá	222		493.783.543.304	493.189.854.213
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.037.854.082)	(24.062.068.453)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	9.628.667.230	9.894.509.410
- Nguyên giá	228		10.047.625.730	10.047.625.730
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(418.958.500)	(153.116.320)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		45.241.956.720	161.611
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	45.241.956.720	161.611
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	125.441.000.000	125.441.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		125.441.000.000	125.441.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.374.904.567	2.315.661.623
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.374.904.567	2.315.661.623
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		998.243.645.042	860.943.308.327

Các thuyết minh từ trang 08 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		634.535.923.491	556.263.408.009
I. Nợ ngắn hạn	310		226.036.942.404	199.405.176.922
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		318.484.400	374.507.700
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	414.996.804	873.791.497
3. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.860.240.490	48.407.117.001
4. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	30.000.000.000
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	222.207.366.653	117.001.000.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.235.854.057	2.748.760.724
II. Nợ dài hạn	330		408.498.981.087	356.858.231.087
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	408.498.981.087	356.858.231.087
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		363.707.721.551	304.679.900.318
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	363.707.721.551	304.679.900.318
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		330.447.481.500	300.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		330.447.481.500	300.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.988.240.054	2.988.240.054
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.271.999.997	1.191.660.264
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.191.660.264	1.191.660.264
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		29.080.339.733	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		998.243.645.042	860.943.308.327



Trần Thế Hưng
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2016

Đinh Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Bình
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

MẪU SỐ B 02a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
			đến 30/6/2016	đến 30/6/2015 (chưa soát xét)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	66.316.297.680	42.594.800.327
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01)	10		66.316.297.680	42.594.800.327
3. Giá vốn hàng bán	11	22	22.755.053.333	17.091.335.858
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		43.561.244.347	25.503.464.469
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	5.993.908.626	2.750.363.884
6. Chi phí tài chính	22	25	18.534.120.712	15.355.277.139
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		18.534.120.712	15.355.277.139
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	1.940.530.917	1.119.054.838
8 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		29.080.501.344	11.779.496.376
9. Thu nhập khác	31		-	12.162.363
10. Chi phí khác	32		161.611	-
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(161.611)	12.162.363
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		29.080.339.733	11.791.658.739
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		29.080.339.733	11.791.658.739
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	926	483



Trần Thế Hưng
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2016

Đinh Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Bình
Kê toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

MẪU SỐ B 03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016	Từ 01/01/2015
		đến 30/6/2016	đến 30/6/2015 (chưa soát xét)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	29.080.339.733	11.791.658.739
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14.241.627.809	10.724.908.302
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.993.908.626)	(2.750.363.884)
- Chi phí lãi vay	06	18.534.120.712	15.355.277.139
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	55.862.179.628	35.121.480.296
- Tăng/(giảm) các khoản phải thu	09	(10.009.908.490)	10.574.315.435
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	18.996.202.869	(52.520.168.851)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(42.902.821.712)	(13.072.112.339)
- Tăng/(giảm) chi phí trả trước	12	(140.451.341)	(17.374.809)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(17.870.238.143)	(14.664.310.546)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.934.962.811	(34.578.170.814)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(52.171.146.228)	(1.636.809.090)
2. Tiền chi cho vay	23	(155.000.000.000)	(327.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay	24	201.000.000.000	298.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.480.000.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	24.170.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.267.657.553	2.161.947.217
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.903.488.675)	(9.784.861.873)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	29.947.481.500	58.809.075.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(250.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	180.037.366.653	206.901.674.378
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(23.190.250.000)	(208.775.000.000)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(30.000.000.000)	(3.744.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	156.794.598.153	52.941.749.378
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	158.826.072.289	8.578.716.691
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	48.388.873.403	3.847.756.570
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	207.214.945.692	12.426.473.261



Trần Thế Hưng
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2016

Đinh Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Bình
Kê toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B 09a -DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 3702226772 đăng ký lần đầu ngày 07/11/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, thay đổi lần thứ 2 ngày 11/9/2015.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2016 là 10 người (tại ngày 31/12/2015 là 10 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Đầu tư, khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt và sản xuất;
- Đầu tư, quản lý hệ thống thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích;
- Thi công xây dựng, sửa chữa hệ thống cấp thoát nước;
- Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế các công trình thủy lợi vừa và nhỏ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng, công nghiệp;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lập dự toán, dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Bán lẻ và bán buôn vật tư ngành nước;
- Xây dựng nhà các loại;
- Thi công đường dây trung, hạ thế, trạm biến áp, hệ thống chiếu sáng công cộng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Dịch vụ tư vấn về môi trường;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ phân tích, đánh giá chất lượng nước, môi trường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Riêng báo cáo tài chính kỳ này được trình bày cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên liên quan đến Công ty bao gồm:

Bên liên quan

Công ty TNHH MTV Thương Mại dịch vụ Kỹ thuật D&B
Công ty TNHH sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc
Công ty TNHH Thương mại NTP
Các thành viên góp vốn khác
Công ty Cổ phần Tân Thanh
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Cổ đông
Cổ đông
Cổ đông
Cổ đông
Cố cùng thành viên HĐQT
Thành viên chủ chốt

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa hàng tồn kho vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 (Số năm khấu hao)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15-20
Máy móc, thiết bị	10-15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08-20
Thiết bị, dụng cụ Quản lý	06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí lợi thế thương mại vị trí đất và san lấp mặt bằng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông; Vốn bổ sung hàng kỳ từ lợi nhuận của Công ty.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động, đồng thời Công ty đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (miễn thuế trong 4 năm, và giảm 50% trong 05 năm tiếp kể từ khi có thu nhập chịu thuế) theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 28/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ cho dự án thuộc hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Quy định của Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 20/5/2008 của Chính phủ. Thu nhập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 thuộc kỳ miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thứ ba của Công ty.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	875.605.802	640.020.051
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	21.339.339.890	47.748.853.352
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng	185.000.000.000	-
Cộng	<u>207.214.945.692</u>	<u>48.388.873.403</u>

6. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>30/6/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
	VND	VND	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng đến dưới 1 năm	60.000.000.000	60.000.000.000	102.000.000.000	102.000.000.000

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước môi trường Bình Dương	-	2.097.764.046
Cộng	<u>-</u>	<u>2.097.764.046</u>

Công ty dùng quyền thu tiền nước phát sinh từ hợp đồng mua bán nước sạch với Công ty TNHH MTV cấp thoát nước - MT Bình Dương để thế chấp cho các khoản vay chi tiết tại thuyết minh số 19 – Vay và nợ thuê tài chính.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan</i>	<i>2.832.641.600</i>	<i>-</i>
- Công Ty TNHH SX-TM Quỳnh Phúc	2.832.641.600	-
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	<i>28.154.454.500</i>	<i>25.945.025.237</i>
- Công ty TNHH MTV Cấp Thoát Nước MT Bình Dương	21.657.942.723	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	-	25.945.025.237
- Công ty TNHH Đại Phú Thịnh	3.416.818.100	-
- Các đối tượng khác	3.079.693.677	-
Cộng	<u>30.987.096.100</u>	<u>25.945.025.237</u>

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B (i) - Bên liên quan	1.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>1.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>

- (i) Khoản cho Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật D&B vay theo hợp đồng số 02/HĐKT-2015, thời hạn vay là một tháng với lãi suất cho vay là 0.8%/tháng. Bên vay thế chấp một phần giá trị vốn góp cổ phần và cổ tức được hưởng từ Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

10. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	13.098.227.505	9.414.665.393
- Ban Quản lý dự án CN Nam Thủ Dầu Một	4.683.169.894	4.683.169.894
- Phải thu lãi cho vay	2.045.586.112	120.000.000
- Tạm ứng cho nhân viên	6.369.471.499	4.411.495.499
- Phải thu bà Dương Anh Thư	-	200.000.000

11. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	33.699.847.914	52.705.050.783
Công cụ, dụng cụ	205.238.000	196.238.000
Cộng	33.905.085.914	52.901.288.783

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	139.566.098	58.357.701
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	99.328.546	58.357.701
Chi phí phân bổ khác	40.237.552	-
b) Dài hạn	2.374.904.567	2.315.661.623
Giá trị lợi thế vị trí địa lý các khu đất	119.655.150	164.525.832
Chi phí san lấp mặt bằng dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một (i)	1.817.325.922	1.987.700.224
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	243.853.004	163.435.567
Chi phí phân bổ khác	194.070.491	-

(i) Chi phí san lấp mặt bằng dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một là khoản tiền chi ra để phục vụ cho việc san lấp, cải tạo mặt bằng để thực hiện dự án Cấp nước Nam Thủ Dầu Một giai đoạn 2 nâng công suất 100.000 m³/ngày đêm, Công ty thực hiện phân bổ chi phí này trong vòng 6 năm bắt đầu từ tháng 11/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2016	222.236.463.949	174.870.340.447	95.993.049.817	90.000.000	493.189.854.213
- Mua trong kỳ	-	-	593.689.091	-	593.689.091
Tại ngày 30/6/2016	222.236.463.949	174.870.340.447	96.586.738.908	90.000.000	493.783.543.304
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2016	12.485.832.044	6.064.571.333	5.480.495.721	31.169.355	24.062.068.453
- Khấu hao trong kỳ	7.172.246.994	4.236.676.938	2.559.361.697	7.500.000	13.975.785.629
Tại ngày 30/6/2016	19.658.079.038	10.301.248.271	8.039.857.418	38.669.355	38.037.854.082
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2016	209.750.631.905	168.805.769.114	90.512.554.096	58.830.645	469.127.785.760
Tại ngày 30/6/2016	202.578.384.911	164.569.092.176	88.546.881.490	51.330.645	455.745.689.222

Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay Ngân hàng (xem thuyết minh số 19).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	9.355.595.912	692.029.818	10.047.625.730
Tại ngày 30/6/2016	9.355.595.912	692.029.818	10.047.625.730
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	77.963.300	75.153.020	153.116.320
- Khấu hao trong kỳ	233.889.900	31.952.280	265.842.180
Tại ngày 30/6/2016	311.853.200	107.105.300	418.958.500
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2016	9.277.632.612	616.876.798	9.894.509.410
Tại ngày 30/6/2016	9.043.742.712	584.924.518	9.628.667.230

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Tình hình biến động chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ:

	30/6/2016 VND
Tại 01/01/2016	161.611
Đầu tư xây dựng dự án nhà máy nước Bàu Bàng	26.176.954.691
Tuyển ống nước thô nhà máy nước Dĩ An 2 (Nhà máy nước Nam Thủ Dầu Một)	19.065.002.030
Giảm khác	(161.611)
Tại 30/6/2016	45.241.956.721

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>				
- Công ty Cổ phần cấp nước Đồng Nai (i)	119.961.000.000	119.961.000.000	119.961.000.000	119.961.000.000
- Công ty Cổ phần tư vấn cấp thoát nước - Môi trường (ii)	5.480.000.000	5.480.000.000	5.480.000.000	5.480.000.000
Cộng	125.441.000.000	125.441.000.000	125.441.000.000	125.441.000.000

- (i) Khoản đầu tư mua 9.350.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai tương đương 119.961.000.000 đồng chiếm 9.35% vốn điều lệ. Hiện tại, Công ty đã dùng 4.000.000 cổ phiếu nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai để thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Công thương Việt Nam – CN Bình Dương theo biên bản định giá tài sản ngày 11/09/2015 (xem thuyết minh 19).
- (ii) Theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư về việc mua cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát Nước – Môi trường ngày 09/04/2015, Công ty đồng ý giao cho bà Dương Anh Thư đứng tên đăng ký đầu giá mua 200.000 cổ phiếu phổ thông (tương đương 25% vốn điều lệ) của Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước – Môi trường, với giá mua là 27.400 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 30/6/2016, số cổ phiếu phổ thông trên vẫn chưa chuyển sang tên của Công ty.

Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát Nước – Môi trường được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 41031005823 ngày 28/12/2006 với mức vốn điều lệ là 8 tỷ đồng (tương đương 800.000 cổ phiếu). Hoạt động chủ yếu của công ty là tư vấn xây dựng các công trình thuộc lĩnh vực cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn, không khí ô nhiễm, công trình công cộng đô thị, công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, cụm dân cư. Kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2016 của Công ty cổ phần Tư vấn và Cấp thoát Nước – Môi trường là có lãi.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2016	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	01/01/2016
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả				
Thuế thu nhập cá nhân	363.431.724	468.362.040	(141.643.733)	36.713.417
Thuế tài nguyên	51.565.080	260.996.520	(258.431.240)	48.999.800
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Các khoản phí, lệ phí (i)	-	(788.078.280)	-	788.078.280
Cộng	414.996.804	(55.719.720)	(403.074.973)	873.791.497

- (i) Theo kết quả kiểm tra thuế trong năm 2016 thì Công ty không có nghĩa vụ phải đóng khoản phí dịch vụ môi trường rừng trong năm 2015 với số tiền 788.078.280 VND, do vậy Công ty đã xử lý giảm nghĩa vụ thuế này trong năm 2016.

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí lãi vay	789.484.847	301.844.468
Phải trả Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	-	47.122.898.897
Phải trả Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường	1.005.163.825	982.373.636
Chi phí phải trả khác	65.591.818	-
Cộng	1.860.240.490	48.407.117.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	30/6/2016		Trong kỳ		01/01/2016	
	Số có khả năng trả		Giảm	Tăng	Số có khả năng trả	
	Giá trị	nợ			Giá trị	nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn	222.207.366.653	222.207.366.653	(23.190.250.000)	128.396.616.653	117.001.000.000	117.001.000.000
Vay ngắn hạn Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Dương (i)	130.361.366.653	130.361.366.653	-	75.361.366.653	55.000.000.000	55.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	91.846.000.000	91.846.000.000	(23.190.250.000)	53.035.250.000	62.001.000.000	62.001.000.000
b) Vay dài hạn	408.498.981.087	408.498.981.087	(53.035.250.000)	104.676.000.000	356.858.231.087	356.858.231.087
Ngân hàng Công thương Việt Nam - CN Bình Dương (ii)	91.890.481.087	91.890.481.087	(7.190.250.000)	-	99.080.731.087	99.080.731.087
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương (iii)	242.108.500.000	242.108.500.000	(24.845.000.000)	104.676.000.000	162.277.500.000	162.277.500.000
Quỹ đầu tư phát triển Bình Dương (iv)	74.500.000.000	74.500.000.000	(21.000.000.000)	-	95.500.000.000	95.500.000.000

(i) Khoản vay ngắn hạn tại Quỹ đầu tư Phát triển Bình Dương bao gồm:

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 04/2015/HĐTD-NH ngày 21/10/2015 để thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2015 (giải ngân hoàn vốn theo công văn số 123/CPNTDM ngày 12/10/2015 của Công ty CP nước Thủ Dầu Một). Nợ gốc vay tại thời điểm 30/6/2016 là 55.000.000.000 đồng, thời hạn trả nợ gốc là 11 tháng với lãi suất nợ trong hạn tại thời điểm 30/6/2016 là 6%. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền thu tiền nước của Công ty tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương theo Công văn số 122/CPNTDM ngày 12/10/2015 về cam kết thực hiện đảm bảo tiền vay.
- Khoản vay theo hợp đồng số 01/2016/HĐTD-NH ngày 18/05/2016 để đầu tư xây dựng nhà máy nước Bàu Bàng với thời hạn vay là 359 ngày kể từ ngày giải ngân đầu tiên và lãi suất là 6%/năm. Công ty dùng tài sản hình thành trong tương lai của Công trình nhà máy nước Bàu Bàng và quyền thu tiền nước từ nhà máy nước Bàu Bàng và nhà máy nước Dĩ An và cổ phần góp vốn vào Công ty CP Tư vấn Cấp thoát nước và môi trường (WASE) với số cổ phần sở hữu là 200.000 cổ phần theo sổ sở hữu chứng nhận cổ phần có mã số cổ đông WAS1158 phát hành ngày 14/05/2015.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Bình Dương bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 142800900/2014-HĐTDDA/NHCT640 ký ngày 24/09/2014 nhằm mục đích thanh toán chi phí đầu tư dự án: Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng - Trạm bơm nước thô và nhà máy xử lý công suất 45000 m³/ngày đêm. Gốc vay được thanh toán thành 22 kỳ liên tiếp trên cơ sở kỳ hạn 03 tháng một lần, với lãi suất được áp dụng tại thời điểm 30/6/2016 là 7%, lần thanh toán đầu tiên vào ngày 25/03/2016. Công ty dùng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo. Dư nợ vay tại thời điểm 30/6/2016 là 71.365.231.087 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 14290116/2014-HĐTDDA/NHCT640 ký ngày 27/11/2014 nhằm mục đích mua cổ phiếu của công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai. Nợ gốc vay được thanh toán mỗi 03 tháng một lần, với lãi suất được áp dụng tại thời điểm 30/6/2016 là 7%/năm. Công ty dùng 4.000.000 cổ phiếu nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai làm tài sản đảm bảo theo hợp đồng cầm cố HĐCC ngày 15/09/2015. Dư nợ vay tại thời điểm 30/6/2016 là 41.703.750.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Bình Dương bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 024D14 ký ngày 27/10/2014 với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Dương nhằm mục đích đầu tư dự án "Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng - trạm bơm nước thô và nhà máy xử lý công suất 45.000 m³/ngày đêm". Dư nợ vay tại thời điểm 30/6/2016 là 168.600.000.000 đồng. Gốc vay được thanh toán thành 21 kỳ liên tiếp, 3 tháng/1 kỳ, với lãi suất tại thời điểm 30/06/2016 là 6.95%, lần thanh toán đầu tiên là 28/10/2016. Công ty đã dùng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển số 008D16 ngày 24/4/2016 nhằm mục đích thanh toán một phần các chi phí hợp lý hợp lệ để thực hiện dự án "Dự án Cấp nước Nam Thủ Dầu Một – giai đoạn 2 nâng công suất lên 100.000 m³/ngày đêm" tại phường An Phú, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương do bên vay làm chủ đầu tư. Thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vay đầu tiên với lãi suất cố định trong 12 tháng là 6.95%/năm. Sau đó sẽ điều chỉnh bằng lãi suất huy động tiết kiệm 24 tháng trả lãi sau do bên cho vay công bố + biên độ 1.9%/năm. Công ty dùng quyền sử dụng đất, các tài sản trên đất thuộc dự án cấp nước Nam Thủ Dầu Một – giai đoạn 2 nâng công suất lên 100.000 m³/ngày đêm " và quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng kinh tế v/v mua bán nước sạch số 05/HĐKT/2014 ngày 12/09/2014 làm tài sản thế chấp.

(iv) Khoản vay Quỹ đầu tư phát triển Bình Dương bao gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 11/2015/HĐTD-TDH ký ngày 16/12/2015 nhằm mục đích đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước và mua sắm máy móc thiết bị giai đoạn II. Gốc vay được thanh toán trong thời hạn 84 tháng, trả theo quý (tháng đầu của quý), bắt đầu từ quý 1/2016 (tháng 1/2016), chấm dứt kỳ hạn nợ quý 4/2022 (tháng 11/2022) với lãi suất trong hạn là 7%. Công ty dùng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền thu tiền nước của Công ty CP nước Thủ Dầu Một tại Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương làm tài sản đảm bảo. Dư nợ vay tại thời điểm 30/6/2016 là 29.000.000.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/HĐTD-TDH ký ngày 22/04/2015 nhằm mục đích đầu tư nhà máy cấp nước và mua sắm máy móc thiết bị tại nhà máy nước Nam Thủ Dầu Một. Gốc vay được thanh toán trong thời hạn 06 năm, trả theo quý (tháng cuối của quý) - bắt đầu từ quý 4/2015 (tháng 12/2015), chấm dứt kỳ hạn nợ quý 03/2021 (tháng 09/2021) với lãi suất trong hạn là 6.95%. Công ty dùng tài sản hình thành từ vốn vay làm tài sản đảm bảo. Dư nợ vay tại thời điểm 30/6/2016 là 85.000.000.000 đồng.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	91.846.000.000	62.001.000.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	380.950.000.000	302.449.000.000
Sau năm năm	27.548.981.087	54.409.231.087
	<u>500.344.981.087</u>	<u>418.859.231.087</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(91.846.000.000)</u>	<u>(62.001.000.000)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u><u>408.498.981.087</u></u>	<u><u>356.858.231.087</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 31/12/2014	226.282.500.000	1.495.700.786	8.391.660.264	236.169.861.050
Tăng vốn trong năm	74.217.500.000	-	-	74.217.500.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	35.384.875.582	35.384.875.582
Trích quỹ trong năm	-	1.492.539.268	(5.384.875.582)	(3.892.336.314)
Chia cổ tức	-	-	(37.200.000.000)	(37.200.000.000)
Số dư tại 31/12/2015	300.500.000.000	2.988.240.054	1.191.660.264	304.679.900.318
Tăng vốn trong kỳ (i)	29.947.481.500	-	-	29.947.481.500
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	29.080.339.733	29.080.339.733
Số dư tại 30/6/2016	330.447.481.500	2.988.240.054	30.271.999.997	363.707.721.551

(i) Toàn bộ số vốn tăng trong kỳ là số vốn thực góp của các cổ đông theo đợt tăng vốn đã được thông qua theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một số 05/BB-ĐHCĐ ngày 13 tháng 7 năm 2015. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, phần vốn góp tăng trong kỳ vẫn chưa hoàn tất thủ tục lưu ký trên sàn giao dịch chứng khoán Upcom.

Cổ phiếu	30/6/2016	01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.000.000	36.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.044.748	30.050.000
- Cổ phiếu phổ thông - đã lưu ký	30.000.000	-
- Cổ phiếu phổ thông - chưa lưu ký	3.044.748	30.050.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.044.748	30.050.000
- Cổ phiếu phổ thông	33.044.748	30.050.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 11/9/2015, vốn điều lệ của Công ty là 360.000.000.000 VND, vốn góp thực tế của các cổ đông đến ngày 30/6/2016 như sau:

Cổ đông	Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30/6/2016		
	Số CP	VND	%
Công ty TNHH Sản xuất thương mại Quỳnh Phúc	13.700.000	137.000.000.000	41,46%
Công ty TNHH Thương mại NTP	6.100.000	61.000.000.000	18,46%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ kỹ thuật D&B	6.108.000	61.080.000.000	18,48%
Cổ đông khác	7.136.748	71.367.481.500	21,60%
Cộng	33.044.748	330.447.481.500	100,00%

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Doanh thu cung cấp nước sạch cho Công ty TNHH MTV	66.316.297.680	42.594.800.327
Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương		
Cộng	66.316.297.680	42.594.800.327

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Giá vốn cung cấp nước sạch	22.755.053.333	17.091.335.858
Cộng	22.755.053.333	17.091.335.858

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.209.278.483	858.226.254
Chi phí nhân công	2.626.708.220	1.778.193.922
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.241.627.809	10.724.908.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.483.280.407	3.720.885.109
Chi phí khác bằng tiền	1.134.689.331	1.128.177.109
Cộng	24.695.584.250	18.210.390.696

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.993.908.626	2.750.363.884
Cộng	5.993.908.626	2.750.363.884

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	18.534.120.712	15.355.277.139
Cộng	18.534.120.712	15.355.277.139

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	847.800.861	543.755.772
Chi phí đồ dùng văn phòng	32.137.109	49.294.266
Chi phí khấu hao TSCĐ	219.112.613	111.230.280
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	25.477.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	479.927.503	358.055.626
Các khoản chi phí QLDN khác	358.552.831	31.241.474
Cộng	1.940.530.917	1.119.054.838

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động, đồng thời Công ty đang trong thời gian được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp (miễn thuế trong 4 năm, và giảm 50% trong 05 năm tiếp kể từ khi có thu nhập chịu thuế) theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 28/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ cho dự án thuộc hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực môi trường theo Quy định của Nghị định 69/2008/NĐ-CP ngày 20/5/2008 của Chính phủ.

Thu nhập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 thuộc kỳ miễn thuế thu nhập doanh nghiệp thứ ba của Công ty.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	29.080.339.733	11.791.658.739
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.080.339.733	11.791.658.739
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	31.393.222	24.395.392
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	926	483

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
Các khoản vay	630.706.347.740	473.859.231.087
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(207.214.945.692)	(48.388.873.403)
Nợ thuần	423.491.402.048	425.470.357.684
Vốn chủ sở hữu	363.707.721.551	304.679.900.318
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,16	1,40

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	207.214.945.692	48.388.873.403
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.728.756.006	7.100.933.940
Phải thu cho vay ngắn hạn	1.000.000.000	5.000.000.000
Đầu tư tài chính	185.441.000.000	227.441.000.000
Tổng cộng	400.384.701.698	287.930.807.343
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	630.706.347.740	473.859.231.087
Phải trả người bán và phải trả khác	318.484.400	30.374.507.700
Chi phí phải trả	1.860.240.491	48.407.117.001
Tổng cộng	632.885.072.631	552.640.855.788

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tại thời điểm 30/6/2016, Công ty không có các khoản đầu tư cổ phiếu cho mục đích thương mại, theo đó Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

HÀ
TỔ C
G T
M H
IOÁ
C C
T.P

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại 30/6/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	207.214.945.692	-	-	207.214.945.692
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.728.756.006	-	-	6.728.756.006
Phải thu cho vay ngắn hạn	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Đầu tư tài chính	60.000.000.000	-	125.441.000.000	185.441.000.000
Tổng cộng	274.943.701.698	-	125.441.000.000	400.384.701.698
Tại 30/6/2016				
Các khoản vay	222.207.366.653	380.950.000.000	27.548.981.087	630.706.347.740
Phải trả người bán và phải trả khác	318.484.400	-	-	318.484.400
Chi phí phải trả	1.860.240.491	-	-	1.860.240.491
Tổng cộng	224.386.091.544	380.950.000.000	27.548.981.087	632.885.072.631
Chênh lệch thanh khoản thuần	50.557.610.154	(380.950.000.000)	97.892.018.913	(232.500.370.933)
Tại 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	48.388.873.403	-	-	48.388.873.403
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.100.933.940	-	-	7.100.933.940
Phải thu cho vay ngắn hạn	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000
Đầu tư tài chính	102.000.000.000	-	125.441.000.000	227.441.000.000
Tổng cộng	162.489.807.343	-	125.441.000.000	287.930.807.343
Tại 01/01/2016				
Các khoản vay	117.001.000.000	302.449.000.000	54.409.231.087	473.859.231.087
Phải trả người bán và phải trả khác	30.374.507.700	-	-	30.374.507.700
Chi phí phải trả	48.407.117.001	-	-	48.407.117.001
Tổng cộng	195.782.624.701	302.449.000.000	54.409.231.087	552.640.855.788
Chênh lệch thanh khoản thuần	(33.292.817.358)	(302.449.000.000)	71.031.768.913	(264.710.048.445)

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, tuy nhiên Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Thương Mại dịch vụ Kỹ thuật D&B	Cổ đông
Công ty TNHH sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc	Cổ đông
Công ty TNHH Thương mại NTP	Cổ đông
Các thành viên góp vốn khác	Cổ đông
Công ty Cổ phần Tân Thanh	Có cùng thành viên HĐQT
Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

Ngoài các số dư và các giao dịch với các bên liên quan đã được trình bày trong các thuyết minh số 8; 9; 20, trong kỳ, Công ty còn có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tân Thanh		
Thu tiền từ chuyển nhượng cổ phiếu Công ty CP Cấp nước Đồng Nai	-	7.670.000.000
Công ty TNHH MTV TM DV Kỹ Thuật D&B		
Nhận tiền góp vốn	10.080.000.000	5.820.000.000
Thanh toán cổ tức 2015	4.500.000.000	-
Lãi cho vay	138.666.667	145.333.333
Thu lãi vay	160.000.000	80.000.000
Thu gốc vay	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại NTP		
Nhận tiền góp vốn	10.000.000.000	6.000.000.000
Thanh toán cổ tức 2015	4.500.000.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quỳnh Phúc		
Nhận tiền góp vốn	5.000.000.000	22.000.000.000
Thanh toán cổ tức 2015	6.600.000.000	-
Chuyển tạm ứng thi công công trình Bàu Bàng	2.832.641.600	-

Thu nhập của thành viên chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
	VND	VND
Thu nhập thành viên chủ chốt trong kỳ	1.200.994.786	1.156.026.667

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán. Riêng số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/6/2015 chưa được soát xét.



Trần Thế Hưng
Tổng Giám đốc
Bình Dương, ngày 06 tháng 8 năm 2016

Đinh Thị Thúy Nga
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Bình
Kế toán trưởng